

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 31

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hoàng Tâm Hoà	Chủ tịch
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Phước Bảo Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Thành viên
Bà Đặng Thị Thi Thanh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên
Ông Thái Minh Duy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thi Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phước Bảo Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 06 năm 2022)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



---

**Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên**

**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022



Số: 24/2022/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2022, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>204.357.271.013</b>	<b>111.491.207.413</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>3.735.513.563</b>	<b>11.459.119.999</b>
1. Tiền	111		3.735.513.563	8.459.119.999
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	3.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>158.679.609.655</b>	<b>78.541.639.652</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	100.903.120.320	66.647.461.044
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	53.080.792.072	16.661.037.303
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	17.518.099.964	7.467.707.466
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(12.822.402.701)	(12.234.566.161)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>36.395.793.596</b>	<b>13.379.449.802</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.5	36.395.793.596	13.379.449.802
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.546.354.199</b>	<b>5.110.997.960</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	1.253.614.030	724.175.859
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		123.497.457	197.885.349
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	4.169.242.712	4.188.936.752
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>189.514.609.067</b>	<b>195.267.568.499</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.415.025.000</b>	<b>2.395.025.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	2.415.025.000	2.395.025.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>51.313.596.037</b>	<b>53.222.243.130</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	50.235.214.208	52.008.023.107
Nguyên giá	222		154.166.726.607	154.166.726.607
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.931.512.399)	(102.158.703.500)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.078.381.829	1.214.220.023
Nguyên giá	228		4.141.037.044	4.141.037.044
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.062.655.215)	(2.926.817.021)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	4.9	<b>23.905.439.338</b>	<b>24.518.745.080</b>
1. Nguyên giá	231		36.741.573.937	36.741.573.937
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.836.134.599)	(12.222.828.857)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>194.182.533</b>	<b>194.182.533</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		194.182.533	194.182.533
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.10	<b>86.488.224.173</b>	<b>87.618.224.173</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		91.546.951.082	91.546.951.082
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.392.735.540	11.392.735.540
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.451.462.449)	(15.321.462.449)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.198.141.986</b>	<b>27.319.148.583</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	25.198.141.986	27.319.148.583
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>393.871.880.080</b>	<b>306.758.775.912</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>210.182.357.656</b>	<b>130.676.805.849</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>173.818.722.066</b>	<b>94.523.263.151</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	31.279.360.547	11.746.398.092
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	37.517.322.238	6.853.051.690
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	2.392.775.253	116.100.092
4. Phải trả người lao động	314		3.596.172.500	2.300.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	24.906.526.687	1.499.343.307
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.15	17.319.683.160	17.141.802.329
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	7.926.006.943	4.109.996.403
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	39.985.761.500	41.864.458.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.18	8.892.113.238	8.892.113.238
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.000.000	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>36.363.635.590</b>	<b>36.153.542.698</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.15	10.317.918.790	10.821.231.898
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	26.045.716.800	25.332.310.800
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>183.689.522.424</b>	<b>176.081.970.063</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.19	<b>183.689.522.424</b>	<b>176.081.970.063</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(911.400.000)	(911.400.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.635.810.142	4.635.810.142
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(70.034.887.718)	(77.642.440.079)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(77.642.440.079)	(53.610.785.612)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.607.552.361	(24.031.654.467)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>393.871.880.080</b>	<b>306.758.775.912</b>



Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Văn Ngọc  
Kế toán trưởng

Nguyễn Đoàn Tùng  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.21	307.476.251.361	184.642.956.531
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.22	4.381.262.325	3.194.188.831
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		303.094.989.036	181.448.767.700
4. Giá vốn hàng bán	11	4.23	257.743.654.427	153.056.902.801
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.351.334.609	28.391.864.899
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		383.238.233	457.431.209
7. Chi phí tài chính	22	4.24	2.147.361.817	4.056.935.414
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.004.139.405</i>	<i>1.079.508.709</i>
8. Chi phí bán hàng	25	4.25	20.741.515.323	18.342.417.574
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.26	14.789.177.899	14.086.087.688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.056.517.803	(7.636.144.568)
11. Thu nhập khác	31		171.919.699	779.402.584
12. Chi phí khác	32		322.300.371	482.527.664
13. Lợi nhuận khác	40		(150.380.672)	296.874.920
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.906.137.131	(7.339.269.648)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		16.584.770	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.889.552.361	(7.339.269.648)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.3	316	(294)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.4	316	(294)



Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Văn Ngọc  
Kế toán trưởng

Nguyễn Đoàn Tùng  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>7.906.137.131</b>	<b>(7.339.269.648)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.27	2.521.952.835	2.568.944.520
Các khoản dự phòng	03		1.717.836.540	3.934.352.000
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(156.046.829)	(297.233.332)
Chi phí lãi vay	06	4.24	1.004.139.405	1.079.508.709
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>12.994.019.082</b>	<b>(53.697.751)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(80.651.724.611)	(3.625.588.167)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.016.343.794)	(10.872.034.286)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		81.099.248.307	9.473.579.124
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.591.568.426	2.013.864.815
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.004.139.405)	(1.079.508.709)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.584.770)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.000.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(9.000.956.765)</b>	<b>(4.143.384.974)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	595.454.545
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		156.046.829	155.543.888
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.156.046.829</b>	<b>750.998.433</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.28	59.496.087.300	100.724.126.166
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.29	(61.374.783.800)	(121.945.941.964)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.878.696.500)</b>	<b>(21.221.815.798)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>(7.723.606.436)</b>	<b>(24.614.202.339)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.459.119.999	36.652.275.423
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	4.1	<b>3.735.513.563</b>	<b>12.038.073.084</b>



Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Văn Ngọc  
Kế toán trưởng

Nguyễn Đoàn Tùng  
Người lập



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 27 tháng 10 năm 2014, Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 5288/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành (thuộc Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV) thành công ty cổ phần. Ngày 03 tháng 03 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 030117827 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 07 năm 2021 để thay đổi địa chỉ trụ sở Công ty.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 3075/UBCK-QLPH ngày 10 tháng 06 năm 2015 và được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 05/2017/GCNCP-VSD ngày 04/01/2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 250.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	Việt Nam	122.500.000.000	49,00	122.500.000.000	49,00
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Chợ Lớn	Việt Nam	34.571.500.000	13,83	34.571.500.000	13,83
Công ty Cổ Phần An Phú	Việt Nam	26.660.000.000	10,66	26.660.000.000	10,66
Các nhà đầu tư khác		66.268.500.000	26,51	66.268.500.000	26,51
<b>Cộng</b>		<b><u>250.000.000.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>	<b><u>250.000.000.000</u></b>	<b><u>100,00</u></b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 250 (31/12/2021: 256).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh dịch vụ



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Điều hành tour du lịch; chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; chi tiết: kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; chi tiết: cho thuê văn phòng, quầy, sạp, cửa hàng kinh doanh; đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà; cho thuê kho bãi; kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; chi tiết: đại lý vé tàu hỏa, bán vé máy bay; môi giới vận tải; dịch vụ nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; chi tiết: mua bán hóa chất (trừ dược phẩm, thuốc trừ sâu; hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, hóa chất có tính độc hại mạnh và không buôn bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại tại trụ sở).

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân	09 Ngô Quyền, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên- Huế, Việt Nam	43,33%	43,33%	43,33%
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	4-6-8 Hồ Huân Nghiệp, phường Bến Nghé, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan	180A Hai Bà Trưng, phường ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,22%	22,22%	22,22%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ
Trung tâm Lữ hành Sài Gòn	70 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Khách sạn Viễn Đông	275A Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Khách sạn Ngân Hà	190 Lê Thánh Tôn, P. Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Hà Nội	Tầng 4, toà nhà Kinh đô, 93 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	90 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	135A Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vĩnh Long	Tổ 14, ấp An Thuận, xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2021.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	123.194.342	88.262.690
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.612.319.221	8.370.857.309
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.735.513.563</b>	<b>11.459.119.999</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	83.250.000	83.250.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Sản Xuất Bến Thành	19.228.656.000	25.501.784.000
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	18.894.516.666	-
Công ty Cổ phần Triệu Hải Lâm	7.772.750.998	7.056.150.998
Các khách hàng khác (*)	54.923.946.656	34.006.276.046
<b>Cộng</b>	<b>100.903.120.320</b>	<b>66.647.461.044</b>

(\*) Tại ngày 30/6/2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	4.902.646.250	2.186.127.250
Công ty Cổ phần Hàng Không Vietjet	2.010.987.814	675.514.480
Công ty TNHH Du Lịch Dịch Vụ Thương Mại Sen Việt	1.584.338.334	1.284.338.334
Các nhà cung cấp khác (*)	44.582.819.674	9.460.617.719
<b>Cộng</b>	<b>53.080.792.072</b>	<b>16.661.037.303</b>

(\*) Tại ngày 30/6/2022, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

**4.4. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu khác từ bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	3.184.224.370	684.224.370
Tạm ứng	13.440.580.160	6.218.723.360
Các khoản ký cược, ký quỹ	154.500.000	178.100.000
Phải thu ngắn hạn khác	738.795.434	386.659.736
<b>Cộng</b>	<b>17.518.099.964</b>	<b>7.467.707.466</b>
<b>Dài hạn:</b>		
Các khoản ký cược, ký quỹ	2.415.025.000	2.395.025.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	188.935.435	-	187.724.509	-
Công cụ, dụng cụ	1.597.258.423	-	1.830.847.925	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.411.620.885	-	7.566.240.792	-
Hàng hóa	4.197.978.853	-	3.794.636.576	-
<b>Cộng</b>	<b><u>36.395.793.596</u></b>	<b>-</b>	<b><u>13.379.449.802</u></b>	<b>-</b>

**4.6. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	212.196.276	74.609.318
Các khoản khác	1.041.417.754	649.566.541
<b>Cộng</b>	<b><u>1.253.614.030</u></b>	<b><u>724.175.859</u></b>
Dài hạn:		
Tiền thuê đất (*)	14.682.995.712	14.682.995.712
Lợi thế thương mại	8.740.504.229	10.488.605.075
Công cụ dụng cụ xuất dùng	869.820.299	727.222.783
Chi phí sửa chữa lớn TCSĐ	596.782.622	1.005.580.664
Các khoản khác	308.039.124	414.744.349
<b>Cộng</b>	<b><u>25.198.141.986</u></b>	<b><u>27.319.148.583</u></b>

(\*) Đây là khoản tiền thuê đất đóng 1 lần tại mặt bằng 66-68 Hai Bà Trưng, Quận 1, TPHCM.

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2022	125.817.307.444	15.148.982.624	8.964.280.746	3.942.575.793	293.580.000	154.166.726.607
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>125.817.307.444</b>	<b>15.148.982.624</b>	<b>8.964.280.746</b>	<b>3.942.575.793</b>	<b>293.580.000</b>	<b>154.166.726.607</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2022	81.195.078.752	12.977.674.398	3.938.357.511	3.885.075.339	162.517.500	102.158.703.500
Khấu hao trong kỳ	996.920.718	286.899.047	430.385.676	27.148.458	31.455.000	1.772.808.899
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>82.191.999.470</b>	<b>13.264.573.445</b>	<b>4.368.743.187</b>	<b>3.912.223.797</b>	<b>193.972.500</b>	<b>103.931.512.399</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2022	44.622.228.692	2.171.308.226	5.025.923.235	57.500.454	131.062.500	52.008.023.107
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>43.625.307.974</b>	<b>1.884.409.179</b>	<b>4.595.537.559</b>	<b>30.351.996</b>	<b>99.607.500</b>	<b>50.235.214.208</b>

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình là 18.106.202.238 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.17.  
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 65.482.356.521 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy tính.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.892.473.244 VND.

**4.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2022	36.741.573.937
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b><u>36.741.573.937</u></b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2022	12.222.828.857
Khấu hao trong kỳ	613.305.742
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b><u>12.836.134.599</u></b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2022	<u>24.518.745.080</u>
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b><u>23.905.439.338</u></b>

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 345.540.000 VND.

*(Xem trang tiếp theo)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2022 VND			Tại ngày 01/01/2022 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique (a)	63.000.000.000	(14.321.522.143)	(*)	63.000.000.000	(13.191.522.143)	(*)
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân (b)	24.278.147.833	-	(*)	24.278.147.833	-	(*)
Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan (c)	4.268.803.249	(2.129.940.306)	(*)	4.268.803.249	(2.129.940.306)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>91.546.951.082</b>	<b>(16.451.462.449)</b>		<b>91.546.951.082</b>	<b>(15.321.462.449)</b>	
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Du lịch Huế	7.182.926.938	-	(*)	7.182.926.938	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	3.896.248.602	-	(*)	3.896.248.602	-	(*)
Công ty Cổ phần Khách sạn Tháng Mười	313.560.000	-	(*)	313.560.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>11.392.735.540</b>	<b>-</b>		<b>11.392.735.540</b>	<b>-</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

- a) Khoản đầu tư chiếm 30% quyền sở hữu Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
  - b) Khoản đầu tư chiếm 43,33% quyền sở hữu Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
  - c) Khoản đầu tư chiếm 22,22% quyền sở hữu Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ cho thuê căn hộ.
- (\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
The Chemours Company Singapore Pte Ltd	17.720.472.000	17.720.472.000	5.748.336.000	5.748.336.000
Tổng công ty Hàng không Việt Nam	6.652.241.986	6.652.241.986	3.100.171.706	3.100.171.706
Phải trả đối tượng khác	6.906.646.561	6.906.646.561	2.897.890.386	2.897.890.386
<b>Cộng</b>	<b>31.279.360.547</b>	<b>31.279.360.547</b>	<b>11.746.398.092</b>	<b>11.746.398.092</b>

**4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Là các khoản khách hàng ứng trước cho các dịch vụ tour và vé máy bay tại ngày 30/06/2022.

(T) 11/11/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2022		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.325.633.142	15.821.261.195	13.589.806.034	-	94.177.981
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.047.727.328	-	16.584.770	16.584.770	4.047.727.328	-
Thuế thu nhập cá nhân	121.515.384	67.142.111	108.879.876	43.965.836	141.209.424	21.922.111
Các loại thuế khác	-	-	169.172.141	169.172.141	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.169.242.712</b>	<b>2.392.775.253</b>	<b>16.115.897.982</b>	<b>13.819.528.781</b>	<b>4.188.936.752</b>	<b>116.100.092</b>

**4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
Trích trước chi phí phải trả cho hoạt động lữ hành	14.410.994.908	365.551.923	14.410.994.908	365.551.923
Trích trước chi phí phải trả cho hoạt động lưu trú	1.153.599.009	47.805.500	1.153.599.009	47.805.500
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	9.341.932.770	1.085.985.884	9.341.932.770	1.085.985.884
<b>Cộng</b>	<b>24.906.526.687</b>	<b>1.499.343.307</b>	<b>24.906.526.687</b>	<b>1.499.343.307</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.15. Doanh thu chưa thực hiện**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu tour nhận trước	16.233.854.431	15.996.099.864
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	1.085.828.729	1.145.702.465
<b>Cộng</b>	<b>17.319.683.160</b>	<b>17.141.802.329</b>
Dài hạn:		
Nhận trước tiền cho thuê bất động sản (*)	10.317.918.790	10.821.231.898

(\*) Là khoản tiền nhận trước của Công ty Cổ phần Du lịch Tiến Lợi về việc thuê Tòa nhà văn phòng tại số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2033.

**4.16. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.330.199.000	3.121.415.000
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	118.397.914	89.201.159
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.477.410.029	899.380.244
<b>Cộng</b>	<b>7.926.006.943</b>	<b>4.109.996.403</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	26.045.716.800	25.332.310.800

(Xem trang tiếp theo)





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2021	250.000.000.000	(911.400.000)	4.635.810.142	(53.610.785.612)	200.113.624.530	
Lỗ trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	(7.339.269.648)	(7.339.269.648)	
Tại ngày 30/06/2021	250.000.000.000	(911.400.000)	4.635.810.142	(60.950.055.260)	192.774.354.882	
Lỗ trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	(16.440.384.819)	(16.440.384.819)	
Thù lao, quỹ hoạt động của HĐQT, BKS	-	-	-	(252.000.000)	(252.000.000)	
Tại ngày 01/01/2022	250.000.000.000	(911.400.000)	4.635.810.142	(77.642.440.079)	176.081.970.063	
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	7.889.552.361	7.889.552.361	
Thù lao, quỹ hoạt động của HĐQT, BKS	-	-	-	(282.000.000)	(282.000.000)	
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>(911.400.000)</b>	<b>4.635.810.142</b>	<b>(70.034.887.718)</b>	<b>183.689.522.424</b>	

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.19.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(43.400)	(43.400)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.956.600	24.956.600

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.19.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.889.552.361	(7.339.269.648)
Lãi /(Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	7.889.552.361	(7.339.269.648)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	24.956.600	24.956.600

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

**316**

**(294)**

**4.19.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.889.552.361	(7.339.269.648)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.889.552.361	(7.339.269.648)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	24.956.600	24.956.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-

Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu

24.956.600

24.956.600

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

**316**

**(294)**

**4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 30/06/2022	Tại ngày 01/01/2022
Ngoại tệ các loại:		
USD	2.003,65	5.673,90
EUR	467,90	4.273,36

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu lữ hành	79.002.443.965	28.625.949.527
Doanh thu vé máy bay	65.961.005.019	17.331.627.254
Doanh thu nhà hàng, khách sạn	15.008.214.007	6.957.624.931
Doanh thu bán hàng hóa	116.612.534.147	104.099.200.254
Doanh thu cho thuê bất động sản	30.892.054.223	27.628.554.565
<b>Cộng</b>	<b>307.476.251.361</b>	<b>184.642.956.531</b>

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.31	30.713.505.038	239.407.271
--	----------------	-------------

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này tăng 67% so với kỳ trước do sự hồi phục tích cực của ngành du lịch sau thời gian dài bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, cụ thể:

- Doanh thu từ dịch vụ lữ hành tăng 176% so với kỳ trước;
- Doanh thu từ dịch vụ kinh doanh vé máy bay tăng 281% so với kỳ trước;
- Doanh thu từ dịch vụ nhà hàng, khách sạn tăng 116% so với kỳ trước.

**4.22. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Là các khoản hoàn tiền vé máy bay trong kỳ.

**4.23. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn lữ hành	72.538.274.931	25.931.024.742
Giá vốn vé máy bay	58.173.032.350	13.499.136.037
Giá vốn nhà hàng, khách sạn	4.886.428.167	3.954.606.187
Giá vốn bán hàng hóa	115.062.127.989	102.260.690.135
Giá vốn cho thuê bất động sản	7.083.790.990	7.411.445.700
<b>Cộng</b>	<b>257.743.654.427</b>	<b>153.056.902.801</b>

Giá vốn tăng tương ứng với việc tăng doanh thu như được thuyết minh tại Mục 4.21

**4.24. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.130.000.000	2.970.000.000
Chi phí lãi vay	1.004.139.405	1.079.508.709
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.222.412	7.426.705
<b>Cộng</b>	<b>2.147.361.817</b>	<b>4.056.935.414</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.25. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	8.953.745.475	7.055.339.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.957.946.990	8.766.467.297
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.829.822.858	2.520.610.747
<b>Cộng</b>	<b>20.741.515.323</b>	<b>18.342.417.574</b>

**4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	6.005.246.409	4.330.397.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.165.859.155	5.059.456.971
Chi phí dự phòng	587.836.540	964.352.000
Chi phí bằng tiền khác	2.030.235.795	3.731.880.930
<b>Cộng</b>	<b>14.789.177.899</b>	<b>14.086.087.688</b>

**4.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.986.723.624	103.613.451.541
Chi phí nhân công	15.974.300.584	12.669.827.037
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.521.952.835	2.568.944.520
Chi phí khác	179.636.750.699	65.487.155.809
<b>Cộng</b>	<b>316.119.727.742</b>	<b>184.339.378.907</b>

**4.28. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	59.496.087.300	100.724.126.166

**4.29. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(61.374.783.800)	(121.945.941.964)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.30. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ lữ hành
- Bán vé máy bay
- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
- Cho thuê bất động sản
- Bán hàng hoá

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022:**

	Đơn vị tính: Triệu đồng														
	Dịch vụ lữ hành		Vé máy bay		Nhà hàng, khách sạn		Cho thuê bất động sản		Bán hàng hoá		Loại trừ		Tổng cộng		
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	
<b>Doanh thu</b>															
Từ khách hàng bên ngoài	79.002	28.626	65.961	17.332	15.008	6.958	30.892	27.628	116.613	104.099	-	-	-	307.476	184.643
Giữa các bộ phận	4.452	1.447	17.530	3.106	-	14	-	-	-	(21.982)	(4.567)	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>83.454</b>	<b>33.237</b>	<b>83.491</b>	<b>20.438</b>	<b>15.008</b>	<b>6.972</b>	<b>30.892</b>	<b>27.628</b>	<b>116.613</b>	<b>104.099</b>	<b>(21.982)</b>	<b>(4.567)</b>	<b>307.476</b>	<b>184.643</b>	
<b>Kết quả kinh doanh</b>															
Kết quả của bộ phận CP không phân bổ	6.464	2.475	3.407	859	10.122	3.003	23.808	20.217	1.550	1.838	-	-	-	45.351	28.392
Thu nhập tài chính														(35.531)	(32.428)
Chi phí tài chính														383	457
Thu nhập khác														(2.147)	(4.057)
Chi phí khác														172	779
Lợi nhuận trước thuế														(322)	(483)
Thuế thu nhập doanh nghiệp														7.906	(7.339)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại														(17)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>														<b>7.889</b>	<b>(7.339)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	Dịch vụ lữ hành		Vé máy bay		Nhà hàng, khách sạn		Cho thuê bất động sản		Bán hàng hóa		Đơn vị tính: Triệu đồng	
	Tại ngày 30/06/22	Tại ngày 01/01/22	Tại ngày 30/06/22	Tại ngày 01/01/22	Tại ngày 30/06/22	Tại ngày 01/01/22	Tại ngày 30/06/22	Tại ngày 01/01/22	Tại ngày 30/06/22	Tại ngày 01/01/22	Tại ngày 30/06/22	Tại ngày 01/01/22
Tài sản của bộ phận	99.088	32.789	21.332	7.710	11.512	11.346	60.936	61.591	21.855	32.577	214.723	146.013
Tài sản không phân bổ											179.149	160.746
<b>Tổng tài sản</b>	<b>45.743</b>	<b>9.205</b>	<b>2.874</b>	<b>1.460</b>	<b>931</b>	<b>485</b>	<b>208</b>	<b>208</b>	<b>18.259</b>	<b>6.345</b>	<b>68.015</b>	<b>17.703</b>
Nợ phải trả của bộ phận												
Nợ phải trả không phân bổ											142.167	112.974
<b>Tổng nợ phải trả</b>											<b>210.182</b>	<b>130.677</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022:**

Doanh thu	TP. Hồ Chí Minh		TP. Hà Nội		TP. Đà Nẵng		TP. Cần Thơ		Vinh Long		Loại trừ		Đơn vị tính: Triệu đồng		
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Tổng cộng		Kỳ này	Kỳ trước	
											Kỳ này	Kỳ trước			
Từ khách hàng bên ngoài	242.120	162.419	35.493	8.217	13.887	8.121	14.724	4.541	1.252	1.345	-	-	-	307.476	184.643
Giữa các bộ phận	21.982	4.564	-	-	-	3	-	-	-	-	(21.982)	(4.567)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>264.102</b>	<b>166.983</b>	<b>35.493</b>	<b>8.217</b>	<b>13.887</b>	<b>8.124</b>	<b>14.724</b>	<b>4.541</b>	<b>1.252</b>	<b>1.345</b>	<b>(21.982)</b>	<b>(4.567)</b>	<b>307.476</b>	<b>184.643</b>	
Tài sản cố định của bộ phận tại ngày 30/06	51.169	54.861	-	-	-	-	-	-	145	237	-	-	-	51.314	55.098
Chi phí mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.31. Thông tin các bên liên quan**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty TNHH Căn hộ Cho thuê Nhà Phong Lan	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	Công ty liên kết
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>
Phải thu khách hàng – Xem thêm Mục 4.2		
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	83.250.000	83.250.000
	<u>Tại ngày 30/06/2022 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2022 VND</u>

Phải thu khác – Xem thêm Mục 4.4

Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	3.184.224.370	684.224.370
---	---------------	-------------

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm Mục 4.21		
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	30.713.505.038	239.407.271

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Địa chỉ: 70 Lý Tự Trọng, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Ông Hoàng Tâm Hoà	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên	Thành viên HĐQT / TGD	272.976.000	201.224.300
Bà Đặng Thị Thi Thanh	Thành viên HĐQT / Phó TGD	196.882.200	146.445.900
Ông Nguyễn Phước Bảo Anh	Thành viên HĐQT / Phó TGD	191.491.000	15.506.900
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên HĐQT/Phó TGD	36.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó TGD	16.297.000	-
<b>Cộng</b>		<b>761.646.200</b>	<b>363.177.100</b>

**4.32. Thu nhập của Ban kiểm soát**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thu nhập của Ban kiểm soát	177.367.200	94.958.500

**4.33. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động**

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	6.047.519.169	6.947.365.092

Tại ngày 30/06/2022, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	12.095.038.338	13.894.730.184
Trên 1 năm đến 5 năm	24.190.076.676	22.856.756.550
Trên 5 năm	198.535.670.597	204.116.818.046
<b>Cộng</b>	<b>234.820.785.611</b>	<b>240.868.304.780</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.34. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Văn Ngọc  
Kế toán trưởng

Nguyễn Đoàn Tùng  
Người lập

